

**TÒA ÁN nhân dân
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2022

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến- kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 427/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2022/QĐST-NHGD ngày 19 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1986

Địa chỉ: số 48, tổ 4, ấp C, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1981

Địa chỉ: số 48, tổ 4, ấp C, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 và các lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn X trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ngọc H yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N ngày 26/3/2014. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về chuyện tiền bạc, tình cảm, chị H thường hay ghen tuông vô cớ, nghi ngờ tôi có người phụ nữ khác ở ngoài. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung. Hiện tôi và chị H đã sống riêng được khoảng 01 năm nay, không có bàn bạc đoàn tụ. Chị H cũng không có lần nào đến gặp để kêu tôi về sống chung. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị H. Trường hợp Tòa án không chấp nhận cho ly hôn, tôi cũng không quay về sống với chị H được nữa do hết tình cảm.

- Về con chung: vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 19/3/2020. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, tôi giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Hiện nay tôi đang làm thuê, thu nhập hàng tháng khoảng 4.000.000 đồng. Do tôi làm tự do ở ngoài nên không có bảng lương cũng không có giấy tờ chứng minh thu nhập.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi và chị H không thể hòa giải đoàn tụ với nhau nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2022 và các lời khai tiếp theo tại tòa, bị đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn X yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N ngày 26/3/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Tôi có nghe nhiều người nói anh X có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng có lời qua tiếng lại, anh X giận quá bỏ ra đùm tằm ở riêng khoảng hơn 01 năm nay và làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án. Tôi có nhiều lần xuống đùm gặp anh X để năn nỉ, gia đình bên chồng cũng nhiều lần khuyên nhủ anh X về nhà để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh X nhất quyết không đồng ý. Nay anh X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, tôi không đồng ý, lý do là vì tôi còn thương chồng, thương con và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ.

- Về con chung: vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 19/3/2020. Tại Tòa, anh X giao 02 con chung cho tôi nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, tôi đồng ý. Hiện nay tôi đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng (bao gồm cả tăng ca và trợ cấp). Tôi đang sống tại căn nhà của cha mẹ chồng, nếu tôi đi làm thì có mẹ chồng phụ chăm hai con.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Văn X.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 19/3/2020 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn X khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Trần Thị Ngọc H, hiện nay cả hai đương sự đều cư trú tại xã V, huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: anh Nguyễn Văn X khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Trần Thị Ngọc H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 36, Quyền số 01/2014 ngày 26/3/2014, do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Anh X xin ly hôn, chị H không đồng ý và có nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ. Tòa đã hòa giải nhưng anh X vẫn cương quyết xin được ly hôn.

Xét thấy anh X xin ly hôn, nguyên nhân xuất phát từ việc chị H thường hay ghen tuông vô cớ, nghi ngờ anh X có người phụ nữ khác ở ngoài dẫn đến bất đồng quan điểm về chuyện tiền bạc, tình cảm. Tại phiên tòa, anh X và chị H cùng thừa nhận vợ chồng đã ly tH1 được khoảng 01 năm nay, gia đình có vận động hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Như vậy hôn nhân của anh X và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh

X, xử cho anh X được ly hôn chị H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 19/3/2020. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa thuận giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng). Tòa án đã tiến hành ghi lời khai cháu Ngọc H1 và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 19/3/2020 hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 19/3/2020 cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời Anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng.

[4] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[5] *Về nợ chung*: không có nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Anh X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Văn X. Xử cho anh X được ly hôn chị Trần Thị Ngọc H.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 03/5/2014 và cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 19/3/2020 cho chị H nuôi dưỡng; anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh X được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

4. Về án phí: Anh X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007091 ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh X phải nộp thêm 300.000 đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Tài

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM nhân dân THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngọc - Lâm Ngọc Trao

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Toàn